

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 13/01/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 333/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 349/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1983, địa chỉ: khóm Bình N, thị trấn Cái D, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1985, địa chỉ: khóm Vĩnh L, thị trấn Cái D, huyện Châu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1978, địa chỉ: khóm Bình H, thị trấn Cái D, huyện Châu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2022, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Kim C trình bày:

Bà Lê Thị Kim C cho bà Nguyễn Thị Diễm T vay các khoản tiền như sau:

- Ngày 28/02/2018 âm lịch vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào bà C có nhu cầu lấy lại vốn thì báo trước thời gian 02 tháng, việc vay có làm biên nhận vay tiền ngày 28/02/2018 âm lịch do bà T tự viết biên nhận và ký tên giao biên nhận cho bà C giữ. Khi đến thời hạn trả tiền lãi thì bà T không trả tiền lãi cho bà C mà yêu cầu ghi sổ nợ tiền lãi sẽ trả sau, nhưng thực tế không có trả tiền lãi như cam kết. Từ lúc vay đến nay thì bà T không có trả cho bà C tiền vốn, tiền lãi, còn nợ lại tiền vốn 100.000.000 đồng.

- Ngày 30/11/2018 âm lịch vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào bà C có nhu cầu lấy lại vốn thì báo trước thời gian 02 tháng, việc vay có làm biên nhận vay tiền ngày 30/11/2018 âm lịch do bà T tự viết biên nhận và ký tên giao biên nhận cho bà C giữ. Khi đến thời hạn trả tiền lãi thì bà T không trả tiền lãi cho bà C mà yêu cầu ghi sổ nợ tiền lãi sẽ trả sau, nhưng thực tế không có trả tiền lãi như cam kết. Từ lúc vay đến nay thì bà T không có trả cho bà C tiền vốn, tiền lãi, còn nợ lại tiền vốn 10.000.000 đồng.

- Ngày 05/3/2020 âm lịch vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào bà C có nhu cầu lấy lại vốn thì báo trước thời gian 02 tháng, việc vay có làm biên nhận vay tiền ngày 05/3/2020 âm lịch do bà T tự viết biên nhận và ký tên giao biên nhận cho bà C giữ. Khi đến thời hạn trả tiền lãi thì bà T không trả tiền lãi cho bà C mà yêu cầu ghi sổ nợ tiền lãi sẽ trả sau, nhưng thực tế không có trả tiền lãi như cam kết. Từ lúc vay đến nay thì bà T không có trả cho bà C tiền vốn, tiền lãi, còn nợ lại tiền vốn 20.000.000 đồng.

Như vậy hiện tại bà T còn nợ bà C tiền vốn của các khoản vay trên là 130.000.000 đồng. Bà C nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T cứ hẹn lần rồi không trả, lần cuối cùng bà C yêu cầu bà T trả nợ là ngày 21/4/2021 âm lịch thì bà T không trả và yêu cầu bà C khởi kiện.

Nay bà C yêu cầu bà T trả cho bà tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng trên vốn vay 130.000.000 đồng từ ngày 21/4/2021 âm lịch cho đến ngày xét xử.

Theo biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành V trình bày: Toà án có cho ông V xem biên nhận vay tiền 100.000.000 đồng lập ngày 28/02/2018 âm lịch giữa bà Lê Thị Kim C và bà Nguyễn Thị Diễm T. Theo nội dung biên nhận thể hiện “ *Tôi tên Nguyễn Thị Diễm T, hôm nay ngày 28/2/2018 (Al) có nhận vay của chị Lê Thị Kim C*

với anh Nguyễn Thành V với số tiền là 100.000.000 triệu đồng, một trăm triệu đồng chẵn” .

Ông V xác định mặc dù theo nội dung biên nhận nêu trên có ghi tên của ông là Nguyễn Thành V nhưng ông không biết gì về biên nhận vay tiền này, ông không có cho bà Nguyễn Thị Diễm T vay số tiền 100.000.000 đồng như theo nội dung biên nhận, đây là số tiền của bà C cho bà T vay không có liên quan gì đến ông, ông không biết gì về khoản tiền 100.000.000 đồng này.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà T trả cho bà C số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận vay tiền nêu trên thì ông không tranh chấp, không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền 100.000.000 đồng.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà T đến trụ sở Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của bà C nhưng bà T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa bà C yêu cầu bà T trả cho bà tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên vốn vay 130.000.000 đồng từ ngày 21/4/2021 âm lịch cho đến ngày xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu

Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, biên nhận vay tiền có căn cứ xác định bà C cho bà T vay các khoản tiền ngày 28/02/2018 âm lịch vay 100.000.000 đồng, ngày 30/11/2018 âm lịch vay 10.000.000 đồng, ngày 05/3/2020 âm lịch vay 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay. Hiện tại bà Thúy còn nợ bà C tiền vốn của các khoản vay trên là 130.000.000 đồng.

Ông V xác định mặc dù theo nội dung biên nhận vay tiền ngày 28/02/2018 âm lịch có ghi tên của ông nhưng ông không biết gì về biên nhận vay tiền này, ông không có cho bà Nguyễn Thị Diễm T vay số tiền 100.000.000 đồng, do đó xác định đây là số tiền của bà C cho bà T vay.

Việc vay tiền giữa bà C và bà T trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ.

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà T trả cho bà C tiền vốn vay 130.000.000 đồng và tiền lãi 22.012.000 đồng, tổng cộng là 152.012.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay còn nợ theo hợp đồng, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Diễm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông Nguyễn Thành V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo bà C trình bày bà cho bà T vay các khoản tiền ngày 28/02/2018 âm lịch vay 100.000.000 đồng, ngày 30/11/2018 âm lịch vay 10.000.000 đồng, ngày 05/3/2020 âm lịch vay 20.000.000 đồng. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng theo biên nhận vay tiền ngày 28/02/2018 âm lịch, bà C xác định mặc dù theo nội dung biên nhận có ghi tên của chồng bà là ông Nguyễn Thành V nhưng ông V không biết gì về biên nhận vay tiền này, ông V không có cho bà Thúy vay số tiền là 100.000.000 đồng như theo nội dung biên nhận, đây là số tiền của bà cho bà T vay không có liên quan gì đến ông V, ông V không biết gì về khoản tiền 100.000.000 đồng này. Từ lúc vay đến nay bà T chưa trả cho bà C khoản tiền vốn vay, tiền lãi, hiện tại bà T còn nợ bà C tiền vốn vay là 130.000.000 đồng. Bà C yêu cầu bà T trả cho bà tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên vốn vay 130.000.000 đồng từ ngày 21/4/2021 âm lịch cho đến ngày xét xử.

Ông V xác định mặc dù theo nội dung biên nhận vay tiền ngày 28/02/2018 âm lịch có ghi tên của ông nhưng ông không biết gì về biên nhận vay tiền này, ông không có cho bà Nguyễn Thị Diễm T vay số tiền 100.000.000 đồng, ông không tranh chấp, không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền 100.000.000 đồng.

Từ cơ sở trên có căn cứ xác định bà C có cho bà T vay các khoản tiền 100.000.000 đồng vào ngày 28/02/2018 âm lịch, 10.000.000 đồng vào ngày 30/11/2018 âm lịch và 20.000.000 đồng vào ngày 05/3/2020 âm lịch.

Bà C thay đổi yêu cầu mức lãi suất tính tiền lãi từ 1,5%/tháng xuống còn 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là không vượt quá phạm vi khởi kiện, phù hợp theo mức lãi suất quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 21/4/2021 âm lịch (nhằm ngày 01/5/2021 dương lịch) đến ngày xét xử (ngày 13/01/2023) là:

$130.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 20 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 22.012.000 \text{ đồng}.$

Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà C và bà T theo các biên nhận vay tiền ngày 28/02/2018 âm lịch vay 100.000.000 đồng, ngày 30/11/2018 âm lịch vay 10.000.000 đồng, ngày 05/3/2020 âm lịch vay 20.000.000 đồng là trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bà T đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho bà C theo thỏa thuận, do đó bà C khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ. Xét buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà C tiền vốn vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 22.012.000 đồng, tổng cộng là 152.012.000 đồng.

[3] Về án phí:

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C.

Buộc bà Nguyễn Thị Diễm T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền vốn vay là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi là 22.012.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm mười hai ngàn đồng), tổng cộng là 152.012.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu không trăm mười hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.600.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bà Lê Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003766 ngày 20/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng

